BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/03	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)												HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)			HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		2																		
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)
		4															Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)
		5																		
	Chiều	6		PLC nâng cao Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)									Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)	
		7													Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		
		8											CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	
		9											HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)	
		10																		
Thứ 3 18/03	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)												Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)
		2																		
		3															Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)
		4															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)
		5																		
	Chiều	6		PLC nâng cao Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)									Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)		
		7																		
		8											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)		
		9																		
		10											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)		
Thứ 4 19/03	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)														Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	
		2																		
		3																	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	
		4																	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	
		5																	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	
	Chiều	6		PLC nâng cao Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)									Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)
		7															Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)		Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)
		8											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)		
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)
		10											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/03	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)															
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		PLC nâng cao Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)		
		7																		
		8											Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hõa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hõa (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		
		9													Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)				
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)				CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		
Thứ 6 21/03	Sáng	1			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)												Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)
		2															CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)
		3															CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	
	Chiều	6		PLC nâng cao Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)																
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/03	Sáng	1											HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)		HĐHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																		
		12																		
		13																		
		14																		
		15																		
	Chiều	16																		
		17																		
		18																		
		19																		
		20																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/03	Sáng	1			HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)					HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		2																		
		3			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)					Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		4				Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)							CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		5			Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)					Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)
	Chiều	6	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)								Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)		Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)	
		7	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)			
		8	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	
		9	HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	
		10																		
Thứ 3 18/03	Sáng	1		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Tháo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Tháo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)
		2			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)			
		3		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)					Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)
		4		Sinh học 12_2 Lê Thị Tháo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)
		5			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)					Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)
	Chiều	6	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.302)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.302)	
		7																		
		8	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)									CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)							CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	
		9										Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)							Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	
		10	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)																	
Thứ 4 19/03	Sáng	1		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		2			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)
		3		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	
		4		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)
		5		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)							Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	
	Chiều	6	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)						
		7	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)																	
		8	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)						
		9	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)					Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)						
		10												Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)						

LỚP			62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)					Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	
		7												Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)						
		8	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)	
		9				Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)						
		10	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	
Thứ 6 21/03	Sáng	1		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)
		2																		
		3		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		4			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)
		5		CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)																
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/03	Sáng	1	HĐHNTN 12_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)	HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)				HĐHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		HĐHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)										HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	HĐHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																		
		12																		
		13																		
		14																		
		15																		
	Chiều	16																		
		17																		
		18																		
		19																		
		20																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/03	Sáng	1		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)				Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Quản lý bao bì và rác thải Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)					HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()
		2														Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	
		3																		
		4														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	
		5																CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
	Chiều	6	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)								Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		
		7	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)																	
		8	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																	
		9	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																	
		10																		
Thứ 3 18/03	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)				Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()
		2																CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)													Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	
		4	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)													Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	
		5																		
	Chiều	6					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)			Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)					Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/03	Sáng	1		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)				Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (TV_THI TN03)						Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()
		2														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				
		3														Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	
		4														Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	
		5														CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)				
	Chiều	6	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)			Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)					Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)			
		7																		
		8	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)																	
		9	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)																	
		10	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																	

LỚP			62TVVP3	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/03	Sáng	1		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Truyền động điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)				Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)										
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)			Quản lý bao bì và rác thải Đặng Thị Thu Hà (H3.106_Khoa SP- KT)					Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	
		7	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)																	
		8	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																	
		9	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)																	
		10	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																	
Thứ 6 21/03	Sáng	1		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)												CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		2														Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				
		3														Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	
		4																		
		5														Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	
	Chiều	6					Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Vi điều khiển Hoàng Quyết Tiến (X22.204)								Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/03	Sáng	1														HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.107)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	HĐHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																		
		12																		
		13																		
		14																		
		15																		
	Chiều	16																		
		17																		
		18																		
		19																		
		20																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Truyền động điện Đặng Việt Hùng ()	Truyền động điện Phạm Quang Thắng ()												HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																		
		3															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)			
		4																		
		5															Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
	Chiều	6				Trang bị điện Ng Hồng Thao ()	Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()								Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()					
		7															Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Truyền động điện Đặng Việt Hùng ()	Truyền động điện Phạm Quang Thắng ()						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)		Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																		
		3															Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)			
		4																		
		5															Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)			
	Chiều	6				Trang bị điện Ng Hồng Thao ()	Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()								Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()				
		7															Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy ()	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Truyền động điện Đặng Việt Hùng ()	Truyền động điện Phạm Quang Thắng ()						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2															Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
		3															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)			
		4															Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			
		5															CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
	Chiều	6					Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()								Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()				
		7															Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/03	Sáng	1		Truyền động điện Đặng Việt Hùng ()	Truyền động điện Phạm Quang Thắng ()					Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303.LTCM)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)		Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)					Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6					Trang bị điện Phạm Quang Thắng ()									Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()		Phay CNC Bùi Thị Len (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 21/03	Sáng	1								Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303.LTCM)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống máy lạnh công nghiệp Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.307)	Ktra: Máy điện-1-2-2024(N01) Nguyễn Việt Cường (...)	Ktra: Kỹ thuật số nâng cao-1-2-2024(N02) Trần Quốc Phương (...)			CCĐ Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			Hàn TIG Lê Văn Nam ()
		2															Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			
		3															Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)			
		4																		
		5															Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)			
	Chiều	6					Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()										Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy (X10.203_PHLT Khoa CK)			Hàn TIG Lê Văn Nam ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/03	Sáng	1						Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()								HĐHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Hàn TIG Lê Văn Nam ()
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		Hàn TIG Lê Văn Nam ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																		
		12																		
		13																		
		14																		
		15																		
	Chiều	16																		
		17																		
		18																		
		19																		
		20																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/03	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)
		2	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)
		3		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)											Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)
		4	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)					
		5	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)													Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)
	Chiều	6		Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)				Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)			Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)	Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	SQL Server Phan Hoàng Lan ()	Photoshop Tạ Văn Khoa ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẶT+ SẢNH TẦNG 2)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/03	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Ktra: Thiết kế mạng LAN-1-2-2024(N01) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)
		2		Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.401)								Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)			CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)							Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)
		4	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)			
		5											CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)					Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)			Kỹ thuật khai báo hải quan Đặng Thị Thu Hà ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)		SQL Server Phan Hoàng Lan ()	Photoshop Tạ Văn Khoa ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẶT+ SẢNH TẦNG 2)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/03	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.211_TH Tin Đại cương)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)
		2	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)								Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			
		3		Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)
		4	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)
		5		Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	SQL Server Phan Hoàng Lan ()	Photoshop Tạ Văn Khoa ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÂM MẶT+ SẢNH TẦNG 2)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/03	Sáng	1							Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)				Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.211_TH Tin Đại cương)						
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)		Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()		Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.211_TH Tin Đại cương)		Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	SQL Server Phan Hoàng Lan ()	SQL Server Vũ Lệ Thu ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÀT+ SÁNH TÀNG 2)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 21/03	Sáng	1	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)
		2																		
		3	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCĐ Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			
		5	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)				CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)					Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)
	Chiều	6			Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()				Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()			Phần mềm mã nguồn mở Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.211_TH Tin Đại cương)				SQL Server Phan Hoàng Lan ()	SQL Server Vũ Lệ Thu ()	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÀT+ SÁNH TÀNG 2)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/03	Sáng	1																		
		2																		
		3	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()		HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)				HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	HĐHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.106)			HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.104)
		4																		
		5																		
	Chiều	6				Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()													
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																		
		12																		
		13																		
		14																		
		15																		
	Chiều	16																		
		17																		
		18																		
		19																		
		20																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 17/03	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)							Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm ()	
		2	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)											
		3	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)				Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)												
		4	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)			CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)											
		5		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)											
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 18/03	Sáng	1	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	**LĐ (Phòng CTHSSV)**	**LĐ (Phòng CTHSSV)**	**LĐ (Phòng CTHSSV)**	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tiếng anh 3 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	
		2	CCĐ Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)																	
		3	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)											
		4		Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)											
		5	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)																	
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 19/03	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	
		2		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)											
		3	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)														
		4	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)											
		5	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)												
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1	64LCĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 20/03	Sáng	1					Bảng tính điện tử Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)									Tiếng Nhật (H3.103)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng L.T Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Ktra: Bảng tính điện tử-1-2-2024(N01) Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi-1-2-2024(N06) Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Ktra: Văn bản pháp qui-1-2-2024(N03) Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.208)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)		Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 21/03	Sáng	1	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)		Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)					Tiếng anh 3 Nguyễn Hồng Yến (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		
		2																		
		3	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)											
		4		CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCĐ Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)											
		5	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuý (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)											
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng L.T Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảng tính điện tử Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		Ktra: Bảng tính điện tử-1-2-2024(N04) Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)		Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.108_CNTT)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 22/03	Sáng	1	HĐHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.104)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.103)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.103)	HĐHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)											
		2																		
		3																		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		9																		
		10																		
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																		
		12																		
		13																		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		14																		
		15																		
	Chiều	16																		
		17																		
		18																		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		19																		
		20																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			64LCĐT1	64LCĐT2	64LCHA1	64LCMT1	64LCQM1	64LCS1	64LCTT1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 17/03	Sáng	1									Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Đo lường điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																	
		3																	
		4												Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)					
		5																	
	Chiều	6									CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
		7									Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		8										Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		9									Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		10									HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
Thứ 3 18/03	Sáng	1									Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Đo lường điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																	
		3																	
		4												Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)					
		5																	
	Chiều	6									Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)
		7									Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)								
		8										Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		9									CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)					Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			
		10									Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)				CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)
Thứ 4 19/03	Sáng	1									Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Cơ kĩ thuật Đỗ Anh Tuấn (X10.204_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Đo lường điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																	
		3												Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)					
		4												Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)					
		5																	
	Chiều	6									Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		7																	
		8									Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		9									Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
		10											Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.402)				Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)

LỚP			64LCĐT1	64LCĐT2	64LCHA1	64LCMT1	64LCQM1	64LCS1	64LCTT1	64LCVP1	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 20/03	Sáng	1											Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (X22.104)		Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Đo lường điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6									Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vẽ kỹ thuật Lê Kiên Cường (X22.302)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N04) Nguyễn Trung Tuệ (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Bá Thanh (...)	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
		7										Công nghệ 10_2 Hồ SI Khương (H5.306)							
		8									Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			
		9									Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hõa (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)
		10									Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)				Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hõa (H5.203)
Thứ 6 21/03	Sáng	1											Ktra: Lắp ráp mạch điện tử-1-2-2024(N02) Nguyễn Thị Thanh Thúy (...)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Đo lường điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)			Đo lường điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6														Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 22/03	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Tiếng anh Nguyễn Hồng Yến (H3.207)	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()									
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Tiếng anh Nguyễn Hồng Yến (H3.207)	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)		Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N06) Ng Hồng Thao (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N07) Đặng Việt Hùng (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 23/03	Sáng	1	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang (H3.207)					Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()									
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang (H3.207)					Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()									
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 23/04	Sáng	11	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang (H3.207)					Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()									
		12																	
		13																	
		14																	
		15																	
	Chiều	16	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Giáo dục quốc phòng và an ninh Chu Văn Quang (H3.207)					Tin học Dương Sỹ Mạnh ()	Tin học Dương Sỹ Mạnh ()									
		17																	
		18																	
		19																	
		20																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 17/03	Sáng	1			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quáng (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.206_Khoa SP- KT)		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	
		2																	
		3																Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	
		4			Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)				Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)				Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)		Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)				
		5			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	
	Chiều	6	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N09) Đoàn Mạnh Hà (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N_T01) Trần Thị Thơm (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vẽ kĩ thuật Chu Mạnh Vinh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Kinh tế vĩ mô Bùi Thu Trang ()		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)
		7				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)		
		8		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)
		9		CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)			Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		10		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)
Thứ 3 18/03	Sáng	1			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Ktra: Mạng máy tính-1-2-2024(N02) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quáng (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.206_Khoa SP- KT)		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Nhập môn Logistisc Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)
		2																	
		3			Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)								Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	
		4							Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)	
		5			Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)								Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)						
	Chiều	6	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N09) Đoàn Mạnh Hà (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N_T01) Trần Thị Thơm (...)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Đo lường Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Vẽ kĩ thuật Chu Mạnh Vinh (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105_Khoa SP- KT)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)
		7				Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)								Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)			
		8		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)
		9		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)											
		10								CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)
Thứ 4 19/03	Sáng	1			Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)	Kỹ thuật điện Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quáng (H3.205_Khoa SP-KT)			Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)	Nhập môn Logistisc Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)
		2																	
		3							Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)						Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	
		4			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)				
		5																	
	Chiều	6	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N09) Đoàn Mạnh Hà (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N_T01) Trần Thị Thơm (...)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Đo lường Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Vẽ kĩ thuật Chu Mạnh Vinh ()	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Quản trị học Nguyễn Hồng Hạnh (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)
		7								CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)
		8		CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)									CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		
		9		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)								Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)
		10				CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)		

LỚP			64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 20/03	Sáng	1		Vật liệu Nguyễn Chí Thành (X22.102)		Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.108)				Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)		Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)		Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)		Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N09) Đoàn Mạnh Hà (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N_T01) Trần Thị Thơm (...)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Đo lường Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Kỹ thuật cảm biến Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Quản trị học Nguyễn Hồng Hạnh (H3.105_Khoa SP- KT)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.402)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N01) Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)
		7						CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)											
		8		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCĐ Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)
		9						CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)							Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hôa (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		10		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khượng (H5.301)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hôa (H5.203)			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		
Thứ 6 21/03	Sáng	1		Vật liệu Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.106)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.106)	Quản lý thiết bị và kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Cơ sở dữ liệu Phan Hoàng Lan (H2.302_TH QTM)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)
		2																	
		3			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.106)								Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	
		4																	
		5																Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)	
	Chiều	6	Tách: Khí cụ điện-1-2-2024(N09) Đoàn Mạnh Hà (...) Khí cụ điện-1-2-2024(N_T01) Trần Thị Thơm (...)									Kinh tế vĩ mô Bùi Thu Trang ()				Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)			
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 22/03	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.102)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 23/03	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 23/04	Sáng	11																	
		12																	
		13																	
		14																	
		15																	
	Chiều	16																	
		17																	
		18																	
		19																	
		20																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 10: Từ 17/03 Đến 23/03/2025

LỚP			64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 17/03	Sáng	1	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Hệ quản trị CSDL Access Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Tiếng Anh Hà Ngọc Tân (H3.207)	Tiếng Anh Trần Thu Hường (H3.208)	Tiếng Anh Trần Thu Hường (H3.208)				Tiếng Anh Hà Ngọc Tân (H3.207)	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)				Tiếng Anh Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)		Tiếng Anh Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)		Tiếng Anh Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)
		7	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)										
		8			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		10	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)								
Thứ 3 18/03	Sáng	1	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Tiếng Anh Hà Ngọc Tân (H3.207)	Tiếng Anh Trần Thu Hường (H3.208)	Tiếng Anh Trần Thu Hường (H3.208)				Tiếng Anh Hà Ngọc Tân (H3.207)	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)				Tiếng Anh Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)		Tiếng Anh Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)		Tiếng Anh Triệu Văn Dũng (H3.108_CNTT)
		7	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)											
		8	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								
		9	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)		CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)											
		10	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)				Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
Thứ 4 19/03	Sáng	1	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Hệ quản trị CSDL Access Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)								
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)								
		7	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)															
		8	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		9	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)										
		10			Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)				CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)								

LỚP			64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4	65LCĐC1	65LCĐL1	65LCĐT1	65LCGK1	65LCGK2	65LCKT1	65LCQM1	65LCS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 20/03	Sáng	1		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Hệ quản trị CSDL Access Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N01) (...)	Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N02) (...)	Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N02) (...)	Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N04) (...)		Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N04) (...)	Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N01) (...)	Ktra: Tiếng Anh-1-2-24(N04) (...)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)							
		7			CCĐ Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)									
		8	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)								
		9			CCĐ Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCĐ Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
		10	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)								
Thứ 6 21/03	Sáng	1																	
		2	Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-2-2024(N06) Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)			Hệ quản trị CSDL Access Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)					Nguyên lí - chi tiết máy Chu Mạnh Hùng ()		
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yên (H3.107_CNTT)			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()									Nguyên lí - chi tiết máy Chu Mạnh Hùng ()			
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 22/03	Sáng	1														Nguyên lí - chi tiết máy Chu Mạnh Hùng ()			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.102)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)					Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Chu Mạnh Hùng ()			
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 23/03	Sáng	1														Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Chu Mạnh Hùng ()			
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6														Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Chu Mạnh Hùng ()			
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Chủ nhật 23/04	Sáng	11														Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Chu Mạnh Hùng ()			
		12																	
		13																	
		14																	
		15																	
	Chiều	16														Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Chu Mạnh Hùng ()			
		17																	
		18																	
		19																	
		20																	